

TÁM PHÉP TRI CƠ BẢN

① HOA

- Nội quan: tổng điều hòa chung nội tạng
- Túc tam lý: điều hòa công năng dạ dày
- Thái xung: điều hòa công năng của gan giữ nhịp rải chất của gan điều đạt khí cơ

Bổ điều chỉnh:

Tả Dương tri + Nội quan + bổ Túc T. Lý

Điều đạt khí cơ toàn thân:

Tả Hợp cốc + Thái xung

Tăng bạch cầu (tăng sức đề kháng)

Bổ hay cứu Cao hoàng du (4) + T.t. lý

Giảm bạch cầu:

Tả Khúc tri + Bổ Túc tam lý

Giảm lượng Can xi trong máu:

Tả Nội quan + Thái xung

Tăng tiểu cầu: (tri xuất huyết)

Cứu Ân bạch + Đại đôn

Tăng hồng cầu:

cứu Bân huyết linh

Điều chỉnh lượng máu toàn thân:

Túc lâm khắp

Giảm NH₃ trong máu: chích Nhiễm

Nhịp tim nhanh:

Thân môn + Nội quan

Nhịp tim chậm:

{ Thông lý

{ Nội quan

Huyết áp thấp:

{ Bồ Thái xung + Nội quan + Cửu Quan
nguyên

Huyết áp cao: Kiên ngưng hạ huyết áp

{ Cửu Tuyệt cốt + Túc tam lý
(nhức đầu choáng váng)

② THANH NHIỆT

- Thiếu xung + Khúc tri
- Hành gian + Thiếu xung: mát gan, giải huyết nhiệt
- Khúc tri + T. Ấ. giao: giải phong chẩn, mát huyết
- Dưỡng lão + K. tri: tiêu viêm nhiệt
- Thiếu thương: mát các tạng phủ, phế
- Xích trạch: thanh phế nhiệt
- Uy trung: trừ huyết nhiệt
- Huyết hải: trong sạch thành phần máu
- Hành gian: giảm sức nóng của gan
- Phong môn: giải nhiệt 5 tạng
- Khúc trạch: phiến khát, tâm nhiệt

Sốt cao mê sảng:

sắt mài hòa nước cho uống (nung đỏ nhúng bát nước, uống nước)

Mô̄m nhiệt: Hãm cốt + Nội đĩnh (44)
+ Hợp cốt

Say nắng sốt cao:

{ Đại chũy (c7) + Trung xung (đỉnh ngón giữa) + Thiếu thương (góc ngoài móng ngón cái) + Thương dương (góc ngoài móng ngón tay trở)

Sốt cao:

- * { Đại chũy + Khúc tri + Thiếu thương +
Thương dương (chích máu)
- Không có mô̄ hôi: Hợp cốt
- Có mô̄ hôi: Giảm sử.

* Thiếu thương + Khúc tri + Thân môn +
Dũng tuyên (Thập tuyên xuất huyết,
Hợp cốt, Khúc trạch, Uý trung)

* Bấm Thân môn 50 cái rồi vuốt từ Linh đạo xuống

* Đại chũy + Khúc tri + Hợp cốt

* Kinh cự + Đại đố (sốt cao không mô̄ hôi)

③ ÔN

- Toàn thân: cứu (bổ) Thái khê (62) + Côn luân (60)
- Ôn âm trong nội tạng: Thân khuyết (rôn) + Quan nguyên (rôn xuống 3')
- Chân tay lạnh: cứu Trung phủ (tay) Dương phụ (chân) (Đảm)
- Âm da dầy: Trung quản (+Túc tam lý)
- Cảm lạnh ở xương sống: bổ Côn luân
- Giữ giả nát lấy nước xoa dọc sống lưng và cẳng tay chân, bần.
- Bấm Thái uyên 50 rồi vuốt lên phía khuỷu

④ BỔ

- Toàn thân: 2 Cách du + 2 Đảm du
- Gân: Túc tam lý + Dương lăng tuyền
lưng yếu: Can du + Tỳ du
- Phục hồi chức năng tiêu hóa:
cứu Trung quản + Túc tam lý
- Bổ Tỳ: Tỳ du (Đ11) + Chương môn (đầu
nhón khuỷu tay chiếu vào sườn 11 đầu sườn)
+ Túc tam lý + Công tôn (46)

- Bộ phế: Cao hoàng du + Phế du (D3)
- Bộ Tâm: Tâm du (D5) + Thân môn (50)
+ Nội quan
- Bộ Can: Can du (D9) - Lãi cầu (84)
- Đam hư: Đam du + Trung phủ (20)
- Bộ Thận: Thân du + Mệnh môn (L2) + Quan
- nguyên (31) + Thái khê
- Thận âm hư: Cách du + Đam du (D10) + Tỳ
du + Thận du + Thân môn + Chi chính
- Bộ thận dương: Bách hội - Thái khê -
Quan nguyên (87) - Khí hải - Mệnh môn
- Suy nhược cơ thể:
Cao hoàng du (91) (D4) + Cách du (D7) + Đam
du (D10) + Tỳ du (D11) + Vị du (D12) + Thận
du (L2) + Trung quản (87) + Quan nguyên (87)
+ Khí hải (87) + Túc tam lý + Tam âm giao (46)
- Huyết áp thấp đa tuy:
Tụy du (D8) + Tỳ du (D11) + Ý xá (D11) + Nội
quan + Túc tam lý + Thái bạch (46) + Thân
môn (50) + Chi chính (53) + Cách du (D7)
+ Đam du (D10) (Hay xây sấm mặt mây
run bụng cồn cào, ngất, hay đói giả.)

- Tông cầu thiếu: Bân huyết linh
- Thân kinh: Hợp cốc + Thái dương

⑤ ĐIỀU CHỈNH MÔ HÔI

- * Không mô hôi sốt cao da khô nóng: xông, xông cay nóng (Hành, tiá tô) (xoa gừng)
Hợp cốc bõ' 81 (Vai lân) (Phong môn)
 - * Ra mô hôi không cảm (thoát dương)
+ Ta' Hợp cốc + bõ' Phục lưu (Âm thi)
+ rối loạn điện giải gây co quắp bầm tím
Thái xung hay cứu đầu nhọn mắt cá ngoài
+ Giảm sử (trên lãn cổ tay trong 3')
- Mô hôi tay: Tam gian + Q. xung + Th. trạch + H. khê

⑥ XÔ (HA)

- * Táo bón: * Chi câu (67) + Chiếu hải (63)
= Đại trường du (L4) + Thiên khu (38) +
Đại hoành (38) (Ta')
- * Bõ' Đại chung (62)

(*) Đi lỏng:

- Hãn ta': bụng lạnh ỉa như thảo công
Bõ' Bách hội + Thái khê + Thiên khu (38)

- Nhiệt tả: bụng nóng, iả bần như tên lửa

Tả Hợp cốc + Ngoại quan + Thượng cơ hư

* Ăn một nắm lá bông (100g) 15 phút cầm.)

④ THỒ (gây nôn)

* Cửu cung 1 lúc 2 đầu nhọn ngón chân út

* Châm bên trên móm gai đốt cổ (Sung cốt) (châm như Đẩu chủy)

* Say rượu: (Ngộ độc thân kinh (thuốc ngủ...))

- Tả 2. Suất cốc (trên đỉnh gối tại 2t) (75) +
bổ Túc tam lý.

- Nước rau muống luộc đập quả trứng gà cho
tỷ muối, đường chung cách thủy (giải độc
phục hồi chức năng thân kinh)

- Chạy ngay ra chỗ nền đất đảo rộng 1 gang
sâu 2 gang đổ 1 bát bột than củi xuống cho
nước vào ngoáy lên rồi xúc lên hoa nước
cho uống gây nôn giải độc.

* Uống nước muối rang: 1muống 1chén, uống
3lần, mỗi lần cách 1 phút. (Mụn thốt)

⑦ NÔN NHIỀU:

- Cửu Gian sử 30 môi (trên nội quan 1t)

- Bổ Nội quan - Túc tam lý.
(nhai nuốt gừng sống)

- Nôn mửa do nhiệt: Thường quán (89) + Túc tam lý + Nội quan (+ Nội đình + Khúc tri)
- Do can khí phạm vị: (tả Dương lăng tuyền (82) + Thường quán (89) + Túc tam lý + Nội quan + Hãn gian (Thái xung)
- Do hãn: Bô Thường quán + Thiên khu + Túc tam lý + Khí hải
- Đám nhiệt gây nôn: tả Dương lăng tuyền.

⑧ TIÊU: * Mỡ: cứu Nội quan + Ng. quan

* Đờm: Thạch môn + Chiên trung

- Phôi: Chiên trung + Phong long + Thiên đột
- Ổ bụng: Thông cốt + Trung quán + Umôn (bổ)
- Đám ẩm: đờm rất nhiều trong họng, da dầy ẩm xong buồn nôn, nôn ra đờm dãi rất nhiều khác hỷ mũi cũng ra đờm.

{ Bô mạnh Umôn (89) + Thông cốt (89)
 Trung quán + Thường quán + Cư khuyết

* Chấn thương: vỡ cảm ngâm rượu uống + thoa Bô Túc lâm khắp + Tả huyết nội đau

* Mụn nhọt - Viêm tấy:

- Thân trụ (D₃) + Linh đài (D₆) + Hợp cốc + Ủy trung

10 - Khúc tri + D. lão + T.A. giao + H. gian + C. tôn.

- Ruột ung: Trứu tiêm 50 môi (ngày 3 lần)
đắp muối sồng (Nếu cắt ruột thừa dễ bị
ung thư manh tràng)

* Lạnh chướng bụng không tiêu:
cứu Trung quản

* Lời thủy:

- Thủy phân (trên rốn 1+) cứu tiêu nước các
tạng phủ

- Phủ tim: Thủy phân + Thân môn + Chi chính

- Thân: Lá nhãn rụng sao sắc uông

- Phủ thũng nước: cứu Thủy phân + Âm
lãng tuyền + Túc tam lý

Đầu mắt phủ thũng rõ rệt gia Liệt khuyết
(kèm ho hắng)

Tỳ hư chủ: gia Tỳ du - Tam âm giao

Thận hư là chủ gia thận du. Phục lưu

- Viêm thiên liệt tuyền gây bí đái:

Tả khúc cốt + Hội âm

- Viêm màng nhện tủy sồng bí đái ỉa (có
phủ, liệt, tê)

{ Tả Tích trung (dưới khe D11)

{ Thủy đạo (rốn xuống 3+ ra 2+)

- Thủy thũng phình trướng: Phục lưu + Tê trung